TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T O** **THÀNH PHỐ H N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2020/QĐST-HNGĐ	*T O, ngày 17 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh **N V T**, sinh năm 1974.
ĐKNKTT và ở tại: Xóm 9, U L, T U, huyện T O, TP. H N.

Bị đơn: Chị **N T V**, sinh năm 1977.
ĐKNKTT và nơi ở: Xóm 8, U L, T U, huyện T O, TP. H N.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **N V T và chị N T V.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh **N V T** và chị **N T V** thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Anh **N V T** và chị **N T V** về việc anh N V T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N N A, sinh ngày 03/01/2005 cho đến khi cháu A trưởng thành hoặc khi các bên đương sự có yêu cầu. Tạm hoãn nghĩa vụ trợ cấp nuôi con chung cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu.

Chị N T V có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

- *Về án phí:* Anh N V T tự nguyện nộp: 150.000đồng(*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả anh N V T: 150.000đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được đối trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01992 ngày 04 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T O, thành phố H N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận :
- TAND TP H N ;
- VKSND huyện T O;
- THADS huyện T O;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T O
Thẩm phán

Nguyễn Tiến Hùng